

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1532/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Bru chính ngày 17 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các bộ tổ chức lập quy hoạch quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:**

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch:

Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông là quy hoạch quốc gia có xét đến kết nối quốc tế, định hướng phát triển đồng bộ với hạ tầng thông tin và truyền thông các địa phương, bao gồm hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình.

Phạm vi nghiên cứu của quy hoạch là toàn bộ lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam bao gồm đất liền, các đảo, quần đảo, vùng biển và vùng trời bao gồm không phận, vị trí quỹ đạo vệ tinh mà Việt Nam có chủ quyền.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch

- Lập quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm cụ thể hóa chiến lược của Đảng; phù hợp với xu hướng chung của thế giới và điều kiện cụ thể của Việt Nam; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và các quy hoạch ngành quốc gia có liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Tuân thủ theo quy định của Luật Quy hoạch, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm tính thống nhất, liên kết có hệ thống giữa các đối tượng của quy hoạch.

- Lập quy hoạch theo hướng phát triển bền vững, hợp lý và hài hòa giữa phát triển các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, tập trung nâng cao năng lực cạnh tranh của đất nước.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các bên liên quan trong quá trình lập và triển khai thực hiện và giám sát quy hoạch; trong đó bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch.

- Có tính kế thừa, bảo đảm tính khoa học; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Có tính đến yếu tố ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho các vùng, miền khu vực kinh tế kém phát triển, tạo động lực và đà phát triển cho các khu vực này, dần thu hẹp khoảng cách số về cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông giữa các vùng, miền, khu vực địa lý trên cả nước.

- Quy hoạch cần được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung (nếu có) nhằm đảm bảo sự phù hợp quy hoạch tại mỗi thời kỳ, giai đoạn phát triển.

#### b) Mục tiêu lập quy hoạch

- Góp phần giữ vững chủ quyền quốc gia đồng thời bảo đảm khả năng thông suốt về hạ tầng thông tin và truyền thông trong hội nhập quốc tế.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh lãnh thổ của quốc gia, tạo dựng sự phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng và địa phương, giảm sự bất bình đẳng giữa các vùng, miền; bảo đảm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của quốc gia, vùng, địa phương và lợi ích do hội nhập quốc tế mang lại.

- Góp phần tạo ra nhiều việc làm, ổn định sinh kế, hạn chế bất bình đẳng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số.

- Là công cụ hiệu quả để chính quyền các cấp trong cả nước lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý; sử dụng trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, đảm bảo tính khách quan, khoa học trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

- Thiết lập mạng thông tin dùng riêng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông bền vững, đẩy mạnh công tác quản lý, thúc đẩy phát triển các hạ tầng trọng yếu quốc gia, góp phần phát triển ngành thông tin và truyền thông.

#### c) Nguyên tắc lập quy hoạch

- Bền vững và dài hạn: Bảo đảm lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bảo đảm tính khả thi trong triển khai, phù hợp với khả năng thực tế và nguồn lực của quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng phương hướng, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước.

- Bảo đảm tính kế thừa và tính mở để tiếp cận các phương pháp quy hoạch hiện đại; nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước cũng như các quy hoạch cấp quốc gia trước đó.

- Bảo đảm tính liên kết không gian, thời gian trong hoạt động quy hoạch. Nội dung quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

- Bảo đảm an toàn thông tin mạng và tính dự phòng trong quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng các nguồn lực để có thể thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của các sự cố, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; kết hợp an ninh, quốc phòng với phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm phù hợp với thể trận quốc phòng toàn dân; sẵn sàng huy động nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông bổ sung cho lực lượng thông tin liên lạc thường trực của quân đội và phục vụ công tác nghiệp vụ của lực lượng vũ trang.

- Bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia - doanh nghiệp và người dân, giữa lợi ích quốc gia và lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, trong đó lợi ích quốc gia là trên hết.

- Phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên thế giới, đồng thời có xem xét đến điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam.

### 3. Yêu cầu về nội dung quy hoạch

Nội dung lập quy hoạch thực hiện theo quy định tại Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

#### a) Phân tích, đánh giá các yếu tố, điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội

- Phân tích, tổng hợp đánh giá về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về điều kiện xã hội.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về cơ sở hạ tầng.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế xã hội.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.
- Phân tích, tổng hợp đánh giá về các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.
- Xác định những tồn tại, hạn chế; phân tích đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

#### b) Đánh giá thực trạng hạ tầng thông tin và truyền thông

- Đánh giá thực trạng nguồn lực và sự phù hợp về phân bố, sử dụng không gian của hạ tầng thông tin và truyền thông.
- Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của hạ tầng thông tin và truyền thông trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa hạ tầng thông tin và truyền thông trong nước với quốc tế; sự liên kết giữa hạ tầng thông tin và truyền thông với các hạ tầng khác có liên quan.

- Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức, hạn chế và tồn tại trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

c) Dự báo phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch

- Dự báo nhu cầu thông tin và truyền thông về quy mô, công nghệ, địa bàn phân bố, loại hình phương tiện thay thế, công nghệ và vận hành.

- Các kịch bản phát triển ảnh hưởng trực tiếp đến hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch.

d) Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch, gồm hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình.

đ) Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên phạm vi cả nước và các vùng lãnh thổ:

- Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, thị trường viễn thông, công nghệ và dịch vụ viễn thông.

- Phương án phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình.

- Phương án phát triển mạng bưu chính công cộng.

- Phương án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin.

- Phương án phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ quy hoạch.

e) Định hướng bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia và các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn sinh thái, cảnh quan, di tích đã xếp hạng quốc gia có liên quan đến phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

g) Xây dựng danh mục dự án quan trọng quốc gia, dự án ưu tiên đầu tư của ngành kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông, thứ tự ưu tiên thực hiện:

- Xây dựng tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của ngành hạ tầng thông tin và truyền thông trong thời kỳ quy hoạch.

- Luận chứng xây dựng dự án quan trọng quốc gia, dự án quan trọng của ngành; đề xuất thứ tự ưu tiên thực hiện và phương án phân kỳ đầu tư.

#### h) Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về cơ chế, chính sách phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.
- Giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
- Giải pháp về huy động vốn và phân bổ vốn đầu tư.
- Giải pháp về hợp tác quốc tế.
- Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

i) Xây dựng báo cáo quy hoạch (gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt), bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu về quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia. Danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch ngành quy định tại mục IV Phụ lục I của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

#### 4. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch

Bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận và phương pháp lập quy hoạch. Lựa chọn và áp dụng hiệu quả phương pháp phù hợp bao gồm:

- Phương pháp thống kê.
- Phương pháp tích hợp quy hoạch.
- Phương pháp chồng lớp bản đồ.
- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, phương pháp chuyên gia và các phương pháp phân tích chuyên ngành: Phân tích hệ thống điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (phân tích SWOT); phương pháp định chuẩn so sánh; xây dựng kịch bản/phương án phát triển (như sử dụng ánh xạ nhân quả, phân tích tác động đơn/tác động chéo...); phân tích chi phí – lợi ích (CBA).
- Phương pháp mô hình hóa.
- Phương pháp chuyên gia và tham vấn các bộ, ngành, các cộng đồng, doanh nghiệp, chính quyền địa phương (nếu cần thiết).
- Phương pháp lựa chọn ưu tiên đầu tư, ưu tiên phát triển.
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

## 5. Thời hạn lập quy hoạch

Thời hạn lập quy hoạch không quá 12 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

## 6. Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch

### a) Thành phần hồ sơ quy hoạch

- Tờ trình và Dự thảo Quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Báo cáo tóm tắt.

- Hệ thống bản đồ quy hoạch và cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của bộ, ngành, địa phương về quy hoạch và các văn bản góp ý kèm theo.

- Báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định quy hoạch.

- Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.

### b) Số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ

- Phần hồ sơ văn bản: Báo cáo thuyết minh tổng hợp; Báo cáo tóm tắt; dự thảo văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch; các báo cáo thuyết minh chuyên đề được in trên giấy khổ A4.

- Các bản đồ in màu, tỷ lệ bản đồ được thực hiện theo quy định.

## 7. Chi phí lập quy hoạch

a) Chi phí lập Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, định mức cho hoạt động quy hoạch, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

- Phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán của dự án và lựa chọn đơn vị lập quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan triển khai thực hiện lập quy hoạch theo nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả.

2. Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông lập quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định, bảo đảm hiệu quả, đúng tiến độ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công an, TĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2).

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**